



Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022



Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thông tin Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số

0100107155

ngày 15 tháng 3 năm 2016

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (“Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH MTV Du lịch Dịch vụ Hà Nội. Công ty TNHH MTV Du lịch Dịch vụ Hà Nội chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ngày 15 tháng 3 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh năm lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100107155 ngày 12 tháng 3 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản sửa đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Minh Chung	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Nga	Phó Chủ tịch
Bà Lê Thanh Hà	Thành viên
Bà Vũ Thị Quỳnh Trang	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Kim Hà	Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Minh Tú	Phó Tổng Giám đốc
Bà Vũ Hoài Châu	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Trần Xuân Sơn	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị Hiền	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Tuyền	Thành viên

Trụ sở đăng ký

Số 273 Phố Kim Mã, Phường Giảng Võ
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc


Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 39 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; giữa niên độ và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Kim Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2022



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 39.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 22-02-00086-22-1



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **12-08-2022**

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0861-2018-007-1

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		520.156.583.001	487.103.342.017
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	9	39.231.439.125	23.351.702.549
Tiền	111		23.511.439.125	12.351.702.549
Các khoản tương đương tiền	112		15.720.000.000	11.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		444.003.000.000	443.913.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10(a)	444.003.000.000	443.913.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		31.013.081.639	19.228.453.636
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	11	13.340.543.271	4.056.092.776
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	12	2.595.706.000	83.180.900
Phải thu ngắn hạn khác	136	13	15.124.748.390	15.137.095.982
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(47.916.022)	(47.916.022)
Hàng tồn kho	140		2.329.771.599	363.818.141
Hàng tồn kho	141		2.329.771.599	363.818.141
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.579.290.638	246.367.691
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.579.290.638	246.367.691
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 250 + 260)	200		337.648.034.619	338.561.228.714
Các khoản phải thu dài hạn	210		239.702.250	239.702.250
Phải thu dài hạn khác	216		239.702.250	239.702.250
Tài sản cố định	220		5.089.346.891	5.323.338.911
Tài sản cố định hữu hình	221	14	5.089.346.891	5.323.338.911
Nguyên giá	222		24.999.707.915	24.999.707.915
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.910.361.024)	(19.676.369.004)
Bất động sản đầu tư	230	15	43.106.414.667	44.268.809.541
Nguyên giá	231		75.236.709.739	75.236.709.739
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(32.130.295.072)	(30.967.900.198)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Đầu tư tài chính dài hạn	250		287.377.892.957	287.454.957.885
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252	10(b)	285.774.104.867	285.774.104.867
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	10(b)	1.872.600.730	1.872.600.730
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	10(b)	(268.812.640)	(191.747.712)
Tài sản dài hạn khác	260		1.834.677.854	1.274.420.127
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	1.834.677.854	1.274.420.127
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)			857.804.617.620	825.664.570.731
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		70.321.047.787	25.325.593.854
Nợ ngắn hạn	310		62.262.646.121	18.320.133.834
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	3.386.953.467	466.749.483
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	3.614.565.975	217.335.400
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	8.909.809.599	1.131.886.351
Phải trả người lao động	314		782.698.670	716.025.691
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	2.723.165.030	1.646.315.495
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21	3.391.974.561	3.376.814.266
Phải trả ngắn hạn khác	319	22(a)	36.707.315.609	8.271.024.785
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.746.163.210	2.493.982.363
Nợ dài hạn	330		8.058.401.666	7.005.460.020
Phải trả dài hạn khác	337	22(b)	8.058.401.666	7.005.460.020

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		787.483.569.833	800.338.976.877
Vốn chủ sở hữu	410	23	787.483.569.833	800.338.976.877
Vốn cổ phần	411	24	748.000.000.000	748.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		748.000.000.000	748.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.231.896.222	1.231.896.222
Cổ phiếu quỹ	415		(34.320.000)	(34.320.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	22.668.122.483	20.554.504.503
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.617.871.128	30.586.896.152
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	1.909.543.997
- LNST kỳ này/năm nay	421b		15.617.871.128	28.677.352.155
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)			857.804.617.620	825.664.570.731

Ngày 12 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Dương Thị Như
 Phó phòng Kế toán

Người kiểm tra:



Tạ Ngọc Lãm
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Kim Hà
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	28	50.961.339.888	29.352.513.689
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	166.568.182	125.510.082
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	28	50.794.771.706	29.227.003.607
Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	29	37.939.392.793	16.744.360.788
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		12.855.378.913	12.482.642.819
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	13.184.303.062	13.628.228.481
Chi phí tài chính	22		77.107.899	435.007.947
Chi phí bán hàng	25	31	2.611.588.094	2.168.797.977
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	4.157.126.519	6.011.191.873
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		19.193.859.463	17.495.873.503
Thu nhập khác	31		1.561.081	9.240.848
Chi phí khác	32		1.032.753	26.198.722
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		528.328	(16.957.874)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		19.194.387.791	17.478.915.629
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	3.576.516.663	3.586.973.858
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		15.617.871.128	13.891.941.771
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	209	186

Ngày 12 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Dương Thị Như
Phó phòng Kế toán

Người kiểm tra:



Tạ Ngọc Lãm
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Kim Hà
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	19.194.387.791	17.478.915.629
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	1.396.386.894	1.396.386.894
Các khoản dự phòng	03	77.064.928	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.869.512.980)	264.487.154
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(11.314.034.256)	(13.628.170.065)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	7.484.292.377	5.511.619.612
Biến động các khoản phải thu	09	(11.777.900.288)	1.351.864.330
Biến động hàng tồn kho	10	(1.965.953.458)	(141.904.055)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	16.203.549.782	1.469.202.694
Biến động chi phí trả trước	12	(3.893.180.674)	1.623.419.611
		6.050.807.739	9.814.202.192
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.214.530.684)	(971.331.557)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.038.300.000)	(3.288.871.810)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.797.977.055	5.553.998.825
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền gửi có kỳ hạn	23	(282.741.000.000)	(170.501.000.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn	24	284.136.000.000	208.544.197.316
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	11.333.085.689	14.607.271.859
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	12.728.085.689	52.650.469.175

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền trả cổ tức	36	(5.060.000)	(3.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.060.000)	(3.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	15.521.002.744	58.201.268.000
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	23.351.702.549	16.905.354.151
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	358.733.832	(3.247.154)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70 9	39.231.439.125	75.103.374.997

Ngày 12 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Dương Thị Như
 Phó phòng Kế toán

Người kiểm tra:



Tạ Ngọc Lãm
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Kim Hà
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Kinh doanh vận chuyển khách du lịch và hàng hóa;
- Kinh doanh ăn uống, đặc sản cao cấp và bình dân (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Hướng dẫn du lịch, phiên dịch; dịch vụ thông tin (trừ loại thông tin Nhà nước cấm);
- Dịch vụ vui chơi, giải trí, xông hơi xoa bóp (không bao gồm châm cứu, day ấn huyệt và xông hơi bằng thuốc y học cổ truyền);
- Kinh doanh cho thuê văn phòng, nhà ở cho các đối tượng trong và ngoài nước;
- Kinh doanh thương mại xuất nhập khẩu tổng hợp;
- Lập dự án, đầu tư xây dựng và quản lý khu du lịch, khách sạn, khu đô thị, trung tâm thương mại dịch vụ;
- Các loại hình dịch vụ khác: cho thuê hoạt động (nấu ăn, phiên dịch, lái xe);
- Tổ chức hội nghị, hội thảo, kinh doanh hàng lưu niệm, tranh ảnh nghệ thuật, mỹ phẩm cao cấp; và
- May đo, giặt là, cắt uốn tóc, chăm sóc sắc đẹp, trang điểm (không bao gồm các dịch vụ gây chảy máu).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có 4 đơn vị phụ thuộc (1/1/2022: 4 đơn vị phụ thuộc) như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
▪ Trung tâm Lữ hành	Số 273 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội	Dịch vụ du lịch
▪ Xí nghiệp Dịch vụ Du lịch	Số 273 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội	Kinh doanh ăn uống và dịch vụ khác
▪ Trung tâm Dịch vụ, Đại lý vé máy bay	Số 273 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội	Đại lý vé máy bay
▪ Chi nhánh Công ty Thành phố Hồ Chí Minh	Số 348 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ du lịch (đã dừng hoạt động và đang làm thủ tục giải thể)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có 2 công ty liên doanh và 1 công ty liên kết (1/1/2022: 2 công ty liên doanh và 1 công ty liên kết) như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty liên doanh		
Công ty liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel	D8, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội	Kinh doanh khách sạn
Công ty TNHH Global Toserco	Số 40 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh khách sạn
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Sao Phương Đông	Số 269 Kim Mã, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội	Kinh doanh khách sạn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có 74 nhân viên (1/1/2022: 73 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (cho các khoản mục tài sản) và bán chuyển khoản (cho các khoản mục phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Cho mục đích của báo cáo tài chính này, các khoản đầu tư vào công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 35 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển	10 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 năm

(g) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	4 – 35 năm
--------------------------	------------

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí địa chính

Chi phí địa chính phản ánh giá trị còn lại của khoản chi phí trả cho Công ty Cổ phần Địa chính Hà Nội liên quan đến dịch vụ tư vấn địa chính tại tòa nhà số 2 Núi Trúc. Chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng thuê đất là 50 năm.

(ii) Chi phí khác

Chi phí trả trước khác, chủ yếu bao gồm chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và các chi phí khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 đến 3 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá mua trừ chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(k) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của kỳ kế toán bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản là thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(o) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(p) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty liên doanh và liên kết của Công ty.

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022, không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán đã được thực hiện tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm trước.

6. Các khoản mục bất thường

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

8. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Công ty có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Cho thuê văn phòng: kinh doanh cho thuê văn phòng, nhà ở cho các tổ chức và cá nhân;
- Vận hành tour du lịch: kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa và các dịch vụ liên quan; và
- Đại lý vé máy bay: kinh doanh vé máy bay.

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì Ban Tổng Giám đốc xác định rằng, hiện tại Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận chia theo vùng địa lý duy nhất đó là trong lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

	Cho thuê văn phòng VND	Vận hành tour du lịch VND	Đại lý vé máy bay VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần của bộ phận	21.707.125.004	14.591.622.074	14.496.024.628	50.794.771.706
Kết quả kinh doanh của bộ phận	11.140.583.437	617.518.279	1.097.277.197	12.855.378.913
Thu nhập khác	12.705.349.190	288.022.167	192.492.786	13.185.864.143
Chi phí khác	(5.582.169.007)	(392.696.642)	(871.989.616)	(6.846.855.265)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(3.576.516.663)
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp				15.617.871.128

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

	Cho thuê văn phòng VND	Vận hành tour du lịch VND	Đại lý vé máy bay VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần của bộ phận	22.427.426.280	2.401.534.409	4.398.042.918	29.227.003.607
Kết quả kinh doanh của bộ phận	11.882.150.434	76.655.505	523.836.880	12.482.642.819
Thu nhập khác	13.249.544.484	223.662.164	164.262.681	13.637.469.329
Chi phí khác	(7.683.515.152)	(318.818.338)	(638.863.029)	(8.641.196.519)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	(3.586.973.858)
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp				13.891.941.771

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

	Cho thuê văn phòng VND	Vận hành tour du lịch VND	Đại lý vé máy bay VND	Tổng cộng VND
Tài sản của bộ phận	846.815.020.046	7.573.164.246	3.416.433.328	857.804.617.620
Nợ phải trả của bộ phận	60.262.074.384	7.060.320.442	2.998.652.961	70.321.047.787

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

	Cho thuê văn phòng VND	Vận hành tour du lịch VND	Đại lý vé máy bay VND	Tổng cộng VND
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	233.992.020	-	-	233.992.020
Khấu hao bất động sản đầu tư	1.162.394.874	-	-	1.162.394.874

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022

	Cho thuê văn phòng VND	Vận hành tour du lịch VND	Đại lý vé máy bay VND	Tổng cộng VND
Tài sản của bộ phận	801.119.948.059	11.832.672.251	12.711.950.421	825.664.570.731
Nợ phải trả của bộ phận	24.638.275.019	218.975.542	468.343.293	25.325.593.854

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

	Cho thuê văn phòng VND	Vận hành tour du lịch VND	Đại lý vé máy bay VND	Tổng cộng VND
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	233.992.020	-	-	233.992.020
Khấu hao bất động sản đầu tư	1.162.394.874	-	-	1.162.394.874

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Tiền mặt	79.551.753	54.708.880
Tiền gửi ngân hàng	23.431.887.372	12.296.993.669
Các khoản tương đương tiền	15.720.000.000	11.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	39.231.439.125	23.351.702.549

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,6% đến 4% một năm (1/1/2022: 3,5% đến 3,6% một năm).

10. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại. Các khoản tiền gửi bằng VND hưởng lãi suất từ 3,7% đến 7,3% một năm (1/1/2022: 3,7% đến 7,3% một năm) và các khoản tiền gửi bằng USD hưởng lãi suất 0%/năm (1/1/2022: 0%/năm).

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

		30/6/2022				
Địa chỉ	Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:						
▪ Công ty liên doanh, liên kết						
• Công ty TNHH Global Tosserco		35,00%	35,00%	209.672.714.716	-	(*)
• Công ty Liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel		29,58%	29,58%	61.365.277.633	-	(*)
• Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Sao Phương Đông		40,00%	40,00%	14.736.112.518	268.812.640	(*)
				<u>285.774.104.867</u>	<u>268.812.640</u>	
▪ Đơn vị khác						
• Công ty Cổ phần Hanoitourist Taxi	13.000	5,20%	5,20%	1.872.600.730	-	(*)
				<u>287.646.705.597</u>	<u>268.812.640</u>	

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

1/1/2022

Địa chỉ	Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Hà Nội	35,00%	35,00%	209.672.714.716	-	(*)	
Hà Nội	29,58%	29,58%	61.365.277.633	-	(*)	
Hà Nội	40,00%	40,00%	14.736.112.518	191.747.712	(*)	
				285.774.104.867	191.747.712	
				<hr/>		
Hà Nội	13.000	5,20%	5,20%	1.872.600.730	-	(*)
				287.646.705.597	191.747.712	
				<hr/>		

Đầu tư góp vốn vào:

- Công ty liên doanh, liên kết
 - Công ty TNHH Global Tosserco
 - Công ty Liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel
 - Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Sao Phương Đông
- Đơn vị khác
 - Công ty Cổ phần Hanoitourist Taxi

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, giá gốc các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty liên doanh, liên kết và đơn vị khác của Công ty là giá trị đánh giá lại được phê duyệt theo Quyết định số 7189/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội. Các khoản đầu tư này được Công ty định giá lại theo hướng dẫn của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần (“Nghị định 59”), Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59 và Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2014 hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Công ty Honda Việt Nam	3.209.363.950	443.219.860
PATH	1.103.393.160	97.764.000
Công ty Cổ phần Stavian Hóa chất	1.094.148.510	-
Công ty TNHH Yamaha Việt Nam	724.324.000	249.825.000
Các khách hàng khác	7.209.313.651	3.265.283.916
	<hr/>	
	13.340.543.271	4.056.092.776
	<hr/>	

12. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	839.880.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Ngôi Sao Đỏ	416.889.000	-
Doanh nghiệp Tư nhân Trần Mạnh Đại	330.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hải Tiến	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Khu du lịch Bắc Mỹ An	286.500.000	-
Công ty TNHH MTV Khách sạn Quốc tế Bình Minh	50.700.000	50.700.000
Công ty Cổ phần GEA Việt	21.000.000	21.000.000
Các nhà cung cấp khác	350.737.000	11.480.900
	<hr/>	
	2.595.706.000	83.180.900
	<hr/>	

13. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi	9.064.138.368	9.083.189.801
Ký cược, ký quỹ	5.393.630.000	5.350.090.000
Tạm ứng cho nhân viên	217.538.000	30.500.000
Phải thu ngắn hạn khác	449.442.022	673.316.181
	<hr/>	
	15.124.748.390	15.137.095.982
	<hr/>	

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	5.494.086.156	17.096.963.577	2.371.258.182	37.400.000	24.999.707.915
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	2.025.407.238	16.727.451.113	886.110.653	37.400.000	19.676.369.004
Khấu hao trong kỳ	90.646.578	24.782.532	118.562.910	-	233.992.020
Số dư cuối kỳ	2.116.053.816	16.752.233.645	1.004.673.563	37.400.000	19.910.361.024
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	3.468.678.918	369.512.464	1.485.147.529	-	5.323.338.911
Số dư cuối kỳ	3.378.032.340	344.729.932	1.366.584.619	-	5.089.346.891

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 16.044.727.455 VND (1/1/2022: 16.044.727.455 VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	75.236.709.739
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	30.967.900.198
Khấu hao trong kỳ	1.162.394.874
Số dư cuối kỳ	32.130.295.072
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	44.268.809.541
Số dư cuối kỳ	43.106.414.667

Trong bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 có các bất động sản đầu tư có nguyên giá 2.032.166.459 VND (1/1/2022: 2.032.166.459 VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có thông tin về một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí địa chính VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	783.448.698	490.971.429	1.274.420.127
Tăng trong kỳ	-	796.914.346	796.914.346
Phân bổ trong kỳ	(18.079.440)	(218.577.179)	(236.656.619)
Số dư cuối kỳ	765.369.258	1.069.308.596	1.834.677.854

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty TNHH IATA Việt Nam	553.322.000	26.786.000
Công ty TNHH Elite Tour	521.600.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Đất Việt	55.317.600	56.342.000
Công ty TNHH Đường Bay Vàng	32.059.999	-
Công ty TNHH Hoàn Mỹ	48.038.400	47.828.000
Công ty Cổ phần Đầu tư FLT	-	230.675.500
Công ty Điện lực Ba Đình	-	71.278.284
Các nhà cung cấp khác	2.176.615.468	33.839.699
	<hr/>	<hr/>
	3.386.953.467	466.749.483
	<hr/>	<hr/>

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Công ty TNHH Thung Lũng Vua	706.251.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Hapulico	473.745.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Hồ	450.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Vui chơi Giải trí Thể thao Hà Nội	413.752.500	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á – Chi nhánh Hà Đông	405.790.000	-
International Study Programs, s.r.o	50.700.000	50.700.000
Công ty TNHH Đức Nhân	-	40.320.000
Khác	1.114.327.475	126.315.400
	<hr/>	<hr/>
	3.614.565.975	217.335.400
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ đã khấu trừ trong kỳ VND	30/6/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	124.281.512	1.808.989.169	(1.320.622.072)	612.648.609
Thuế thu nhập doanh nghiệp	989.530.684	3.576.516.663	(2.214.530.684)	2.351.516.663
Thuế thu nhập cá nhân	18.074.155	262.236.078	(240.465.914)	39.844.319
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	6.640.838.094	(735.038.086)	5.905.800.008
Các loại thuế khác	-	16.000.000	(16.000.000)	-
	1.131.886.351	12.304.580.004	(4.526.656.756)	8.909.809.599

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Trích trước lương tháng 13, tiền thưởng và ăn trưa	594.787.500	1.209.458.000
Chi phí cho đoàn du lịch	777.666.667	-
Tiền thuê đất, thuê nhà phải trả	165.050.182	165.050.182
Chi phí phải trả khác	1.185.660.681	271.807.313
	2.723.165.030	1.646.315.495

21. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn phản ánh số tiền các khách hàng đã trả trước tiền thuê văn phòng cho nhiều kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Cổ tức phải trả	26.264.636.301	90.606.301
Lãi phải trả cho các nhà đầu tư cổ phần hóa (*)	4.218.116.684	4.218.116.684
Nhận ký quỹ, ký cược	3.364.397.712	2.876.990.858
Phải trả cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	1.775.324.317	-
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	992.607.947	992.607.947
Phải trả ngắn hạn khác	92.232.648	92.702.995
	36.707.315.609	8.271.024.785

(*) Ngày 11 tháng 3 năm 2019, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã thông qua Nghị quyết về chi trả tiền lãi với lãi suất 8,1%/năm cho các nhà đầu tư mua cổ phần của Công ty trong thời gian Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp kéo dài trên ba tháng kể từ ngày hết hạn nộp tiền mua cổ phần.

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược	8.058.401.666	7.005.460.020
	8.058.401.666	7.005.460.020

Phải trả dài hạn khác phản ánh các khoản đặt cọc dài hạn từ các khách hàng thuê văn phòng của Công ty.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2021	748.000.000.000	1.231.896.222	(34.320.000)	12.967.669.701	96.254.924.366	858.420.170.289
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	13.891.941.771	13.891.941.771
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	7.586.834.802	(7.586.834.802)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.358.634.509)	(2.358.634.509)
Trích Quỹ thường Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(2.122.771.058)	(2.122.771.058)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	(82.277.140.000)	(82.277.140.000)
Số dư tại ngày 30/6/2021	748.000.000.000	1.231.896.222	(34.320.000)	20.554.504.503	15.801.485.768	785.553.566.493
Số dư tại ngày 1/1/2022	748.000.000.000	1.231.896.222	(34.320.000)	20.554.504.503	30.586.896.152	800.338.976.877
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	15.617.871.128	15.617.871.128
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	2.113.617.980	(2.113.617.980)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.290.480.847)	(1.290.480.847)
Trích Quỹ thường Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(1.003.707.325)	(1.003.707.325)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	(26.179.090.000)	(26.179.090.000)
Số dư tại ngày 30/6/2022	748.000.000.000	1.231.896.222	(34.320.000)	22.668.122.483	15.617.871.128	787.483.569.833

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2022 và 1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	74.800.000	748.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành	74.800.000	748.000.000.000
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	(2.600)	(34.320.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	74.797.400	747.974.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

25. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 27 tháng 4 năm 2022, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 26.179.090.000 VND (Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021: 82.277.140.000 VND).

26. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	30/6/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	3.777.094	87.383.061.130	3.779.093	85.561.656.691
EUR	251	6.023.356	256	6.509.316
		87.389.084.486		85.568.166.007

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu cho thuê văn phòng	21.873.693.186	22.552.936.362
▪ Doanh thu vận hành tour du lịch	14.591.622.074	2.401.534.409
▪ Doanh thu từ đại lý vé máy bay	14.496.024.628	4.398.042.918
	<hr/>	<hr/>
	50.961.339.888	29.352.513.689
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(166.568.182)	(125.510.082)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	50.794.771.706	29.227.003.607
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

29. Giá vốn cung cấp dịch vụ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Giá vốn cho thuê văn phòng	10.566.541.567	10.545.275.846
Giá vốn vận hành tour du lịch	13.974.103.795	2.324.878.904
Giá vốn từ đại lý vé máy bay	13.398.747.431	3.874.206.038
	<hr/>	<hr/>
	37.939.392.793	16.744.360.788
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Doanh thu thu hoạt tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi	11.259.239.256	13.546.010.065
Cổ tức, lợi nhuận được chia	54.795.000	82.160.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	755.826	58.416
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.869.512.980	-
	<hr/>	<hr/>
	13.184.303.062	13.628.228.481
	<hr/>	<hr/>

31. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2.317.625.911	1.830.257.840
Chi phí khấu hao	8.399.082	8.399.082
Chi phí dịch vụ mua ngoài	243.518.959	290.839.994
Chi phí bằng tiền khác	42.044.142	39.301.061
	<hr/>	<hr/>
	2.611.588.094	2.168.797.977
	<hr/>	<hr/>

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên	3.258.752.143	3.486.596.789
Chi phí khấu hao	200.810.406	200.810.406
Chi phí khác	697.563.970	2.323.784.678
	<hr/>	<hr/>
	4.157.126.519	6.011.191.873
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	266.648.789	198.271.411
Chi phí nhân viên	7.419.780.077	7.237.111.196
Chi phí khấu hao	1.396.386.894	1.396.386.894
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.123.988.916	13.759.597.266
Chi phí khác	415.214.359	2.492.092.086

34. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	3.576.516.663	3.586.973.858

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	19.194.387.791	17.478.915.629
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	3.838.877.558	3.495.783.126
Thuế trên thu nhập không bị tính thuế	(10.959.000)	(16.432.000)
Thuế trên chi phí không được khấu trừ thuế	74.300.000	96.236.602
Thuế trên biến động các chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	(325.701.895)	11.386.130
Chi phí thuế hiện hành	3.576.516.663	3.586.973.858

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của luật thuế Thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 15.617.871.128 VND (Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021: 13.891.941.771 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 74.797.400 cổ phiếu (Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021: 74.797.400 cổ phiếu).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào quỹ này cho năm 2022. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Công ty Liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel Cung cấp dịch vụ	647.436.112	1.318.181
Công ty TNHH Global Tosserco Cung cấp dịch vụ	-	90.909
Công ty Cổ phần Du lịch taxi Hanoi Cổ tức	54.795.000	82.160.000

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
<i>Thành viên Hội đồng Quản trị</i>		
Ông Nguyễn Minh Chung – Chủ tịch Thù lao và thưởng	250.432.737	382.796.008
Bà Nguyễn Thị Nga – Phó Chủ tịch Thù lao và thưởng	192.324.554	291.597.006
Ông Lê Minh Thành – Phó Chủ tịch Thù lao và thưởng	39.105.480	266.397.006
Ông Trần Ngọc Tiến – Thành viên Thù lao và thưởng	26.070.320	234.197.339
Bà Lê Thanh Hà – Thành viên Thù lao và thưởng	140.216.370	206.398.004
Bà Vũ Thị Quỳnh Trang – Thành viên Thù lao và thưởng	140.216.370	206.398.004
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh – Thành viên Thù lao và thưởng	26.070.320	185.398.004
Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thành viên Thù lao và thưởng	114.146.050	21.000.000
<i>Ban Tổng Giám đốc</i>		
Ông Nguyễn Kim Hà – Tổng Giám đốc Lương và thưởng	415.616.370	481.798.004
Ông Trịnh Minh Tú – Phó Tổng Giám đốc Lương và thưởng	251.373.096	304.318.403
Bà Vũ Hoài Châu – Phó Tổng Giám đốc Lương và thưởng	228.573.096	276.638.470
<i>Thành viên Ban Kiểm soát</i>		
Ông Trần Xuân Sơn - Trưởng ban Thù lao và thưởng	238.173.096	291.118.403
Bà Nguyễn Thị Hiền - Thành viên Thưởng và thù lao	70.108.185	103.199.002
Bà Đào Thị Hiền - Thành viên Thù lao và thưởng	13.035.160	92.699.002
Ông Nguyễn Thanh Tuyền - Thành viên Thù lao và thưởng	57.073.025	10.500.000

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Dương Thị Như
Phó phòng Kế toán

Người kiểm tra:



Tạ Ngọc Lãm
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Kim Hà
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN
DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 87/TSC

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2022

V/v: Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2022

**Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hà Nội**

Thực hiện Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội giải trình chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tăng vượt quá 10% của 6 tháng đầu năm 2022 so với 6 tháng đầu năm 2021 như sau:

ĐVT: VNĐ

Nội dung	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2022	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4= 3 – 2)	(5 = 4/2)
Lợi nhuận sau thuế	13.891.941.771	15.617.871.128	1.725.929.357	12,42%

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2022 tăng 1.725.929.357 đồng so với 6 tháng đầu năm 2021 là do:

Chi phí quản lý doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2022 giảm vì không còn phải phân bổ chi phí lợi thế kinh doanh là 1.740.706.928 đồng như 6 tháng đầu năm 2021 dẫn đến lợi nhuận tăng lên tương ứng.

Đây là nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến sự chênh lệch trên.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, TCKT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN KIM HÀ